UBND TỈNH QUẢNG TRỊ **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1791 /BC-SCT	*Quảng Trị, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 10 năm 2022

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10/2022 ước tăng 4,43% so với tháng trước và ước tăng 29,65% so với tháng cùng kỳ năm trước[1]. Động lực tăng trưởng chủ yếu vẫn là ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện do có 17 dự án điện gió mới đi vào vận hành thương mại vào cuối năm 2021.

Tính chung 10 tháng năm 2022 các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước[2] (cao hơn mức tăng cùng kỳ năm trước 9,36%).

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Tháng 10/2022, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 227,84%; gạch xây tăng 45,83%; bia lon tăng 22,06%; điện thương phẩm tăng 17,81%; dăm gỗ tăng 17,37%; bộ com-lê, quần áo tăng 15,82%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 12,17%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Quặng inmenit tăng 7,79%; nước hoa quả, tăng lực 6,04%; tinh bột sắn tăng 5,88%; nước máy tăng 0,01%. Một số sản phẩm giảm như: Săm xe các loại giảm 50,07%; phân hóa học giảm 43,84%; tấm lợp pro xi măng giảm 43,77%; quặng zircon giảm 17,17%; đá xây dựng giảm 16,66%; lốp xe các loại giảm 15,95%; gạch xây dựng giảm 1,08% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và chỉ số giá tiêu dùng:

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Trong tháng 10/2022, các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ tiêu dùng diễn ra trong điều kiện thời tiết không được thuận lợi, bước vào mùa mưa lũ hoạt động kinh doanh, dịch vụ kém sôi động hơn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa

---

[1] Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,14%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 122,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,59%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 6,58% so với tháng cùng kỳ năm trước.

[2] Trong đó: Lĩnh vực công nghiệp khai khoáng tăng 1,44%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,01%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 66,03%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,72% so với cùng kỳ năm trước.

và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 2.170,43 tỷ đồng, giảm 3,69% so với tháng trước và tăng 17,97% so với tháng cùng kỳ năm trước[3].

Tính chung 10 tháng năm 2022, các hoạt động kinh doanh thuơng mại và dịch vụ tiêu dùng tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, tăng khá cao so với cùng kỳ năm truớc; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 22.113,87 tỷ đồng, tăng 14,85% so với cùng kỳ năm trước *(thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra 17%)*[4] và chỉ đạt 58,14% so với kế hoạch năm 2022.

2.2. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2022 giảm 0,09% so với tháng trước, tăng 4,16%) so với tháng 12 năm trước và tăng 4,32%) so với cùng kỳ năm trước. Tỉnh chung chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 3,75%) so với cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2021 tăng 2,61%).

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh về ban hành Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; triển khai thực hiện Nghị quyết số 130/NQ-CP của Chính phủ về Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2022; Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 09/8/2022 của Chính phủ về phiên họp của Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2022 trực tuyến với các địa phương.

- Triển khai các hoạt động khuyến công với thực hiện Chương trình mỗi xã mỗi sản phẩm của tỉnh giai đoạn 2022-2025; chỉ đạo triển khai thực hiện các đề án khuyến công quốc gia được giao bổ sung năm 2022; tổ chức thẩm định đối với các đề án khuyến công tỉnh đợt 2 năm 2022; Thành lập Đoàn kiểm tra, hậu kiểm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến và kinh doanh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn việc sử dụng điện an toàn trong kinh doanh, sinh hoạt; Tổ chức các hoạt động ứng phó với áp thấp nhiệt đới, mưa lũ, ngập lụt, sát lở đất và thời tiết nguy hiểm trên biển; Tăng cường công tác đảm bảo an toàn vận hành Đường dây 220kV 276 Đồng Hới - 275 Đông Hà tại điểm giao chéo với đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn (Km 0+685) thuộc khoảng cột 271-272.

- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất một số nội dung liên quan đến Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 - 1.320MW; Phương án bảo vệ đập Công trình Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho Công trình Thủy lợi - Thủy điện

---

[3] Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa 1.721,12 tỷ đồng, giảm 3,89% và tăng 14,10%; doanh thu liru trú và ăn uống 309,01 tỷ đồng, giảm 3,97% và tăng 35,46%; du lịch lữ hành không phát sinh doanh thu; doanh thu dịch vụ khác 140,30 tỷ đồng, giảm 0,41% và tăng 35,36%.

[4] Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 17.819,13 tỷ đồng, chiếm 80,58% tổng mức và tăng 12,63%; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 3.006,94 tỷ đồng, chiếm 13,60% tổng mức và tăng 25,48; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 2,62 tỷ đồng, chiếm 0,01% tổng mức và tăng 72,70%; doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 1.285,18 tỷ đồng, chiếm 5,81% tổng mức và tăng 12,43% so với cùng kỳ năm trước.

Quảng Trị và vùng hạ du; mở rộng phạm vi nghiên cứu Dự án NMĐG Hướng Phùng - Lao Bảo.

- Xây dựng Kế hoạch kết nối và hoàn thiện sản phẩm OCOP tỉnh phân phối vào hệ thống siêu thị và cửa hàng nông sản trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch xây dựng các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và thực hiện các hoạt động hỗ trợ, kết nối thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm OCOP của tỉnh; thẩm định, đánh giá Đề án xúc tiến thương mại tỉnh năm 2022 (đợt 2); Đề án cây con chủ lực năm 2022 đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản năm 2022. Đảm bảo nguồn cung ứng xăng dầu, chống buôn lậu đường cát trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp Sở Tư pháp kiện toàn báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh thuộc lĩnh vực công thương; Rà soát, công nhận, hủy bỏ người giám định tư pháp theo vụ việc tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; Báo cáo về công tác bồi thường nhà nước năm 2022; Báo cáo công tác về xử lý vi phạm hành chính giai đoạn từ 01/10/2021 đến 30/9/2022; Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Triển khai công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Trưởng, Phó phòng thuộc Sở và đơn vị trực thuộc; Đề xuất UBND tỉnh thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương; đề xuất dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đôn đốc cập nhật thông tin trên Hệ thống quản lý đội ngũ CBCCVC, tổ chức bộ máy, biên chế và vị trí việc làm tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng dự thảo Quy chế và Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 11 năm 2022

- Tiếp tục triển khai và tập trung hoàn thành, báo cáo các nội dung cam kết năm 2022 giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

- Tiếp tục làm việc và triển khai thực hiện kết luận Đoàn Giám sát của Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 15-CTHĐ/TU ngày 27/4/2021 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2022; Tiếp tục tham gia ý kiến, hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn

đến năm 2050; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn và triển khai thực hiện.

- Giám sát, đôn đốc tiến độ thực hiện các đề án khuyến công quốc gia đợt 2 năm 2022 (nếu có); các đề án khuyến công tỉnh đợt 1 và đợt 2 năm 2022. Tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2022 và phát động phong trào thi đua phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch số 1579/KH-SCT ngày 22/9/2022 của Sở Công Thương).

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ về kỹ thuật an toàn công nghiệp (an toàn hóa chất, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến) tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và sử dụng hóa chất, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện, hoàn thành các gói thầu dự án điện nông thôn theo kế hoạch vốn bố trí năm 2022; Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai các dự án năng lượng đảm bảo tiến độ. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động điện lực năm 2022.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại năm 2022 do Sở Công Thương làm đơn vị chủ trì. Hoàn thiện các Đề án xúc tiến thương mại năm thuộc Chương trình xúc tiến thương mại năm 2023 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đưa các sản phẩm OCOP của tỉnh lên sàn giao dịch thương mại điện tử trong nước và quốc tế tương đương sản phẩm (theo tiêu chuẩn OCOP 3 sao trở lên) thuộc Kế hoạch Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản năm 2022 và Kế hoạch thương mại điện tử năm 2022.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả các tháng cuối năm 2022.

- Tập trung chỉ đạo xây dựng các sản phẩm địa phương mang thương hiệu quốc gia; Tổ chức hoạt động kết nối giao thương, xuất khẩu hàng hóa; liên kết, hợp tác tìm kiếm thị trường để tiêu thụ sản phẩm cho một số sản phẩm chủ lực. Tham mưu các giải pháp thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới, khai thác hiệu quả Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam - Lào.

- Triển khai các kế hoạch tăng cường công tác pháp chế của Sở năm 2022; Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật. Báo cáo tự kiểm tra văn bản quy phạp pháp luật; giải quyết các kiến nghị, đề xuất của ngành điện.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở Công Thương; Hoàn thiện và ban hành Quy chế đánh giá và xếp loại chất lượng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Sở; triển khai công tác kiểm điểm, đánh giá xếp loại chất lượng CCVC và thi đua khen thưởng năm 2022.

- Thực hiện các nội dung chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của ngành Công Thương năm 2022; Hoàn thành hồ sơ về báo cáo chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ; Đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của Sở để trình Hội đồng thẩm định.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 10 năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 11 năm 2022; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Thanh Hiếu

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 10 và 10 tháng năm 2022

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 9/2022		Dự ước tháng 10/2022			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 10/2022 so với tháng 10/2021
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
Toàn ngành	**220.45**	**128.05**	**230.22**	**104.43**	**129.65**	**115.40**
1. Công nghiệp khai khoáng	102.26	94.13	85.30	83.41	93.42	101.44
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	199.09	112.34	207.23	104.09	111.14	104.01
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	418.42	208.35	454.39	108.60	222.40	166.03
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	124.86	102.05	130.30	104.36	105.59	102.72

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT
Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 10 và 10 tháng năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=2/1*	*7=2/4*	*8=3/5*
I	***Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu***	**Sản phẩm**								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	*Tấn*	1307	849	16226	787	12939	65,00%	107,97%	125,41%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	553,31	493	6778	595	6304	89,13%	82,83%	107,52%
3	Đá xây dựng	M3	58101,90	54057	565164	64868	745739	93,04%	83,34%	75,79%
4	Tinh bột sắn	Tấn	11787	10697	61955	10103	52923	90,75%	105,88%	117,06%
5	Bia lon	1000 lít	1238	1140	10710	934	9510	92,08%	122,06%	112,62%
6	Nước hoa quả, tăng lực	*1000 lít*	1061	1000	10120	943	9866	94,25%	106,04%	102,57%
7	Bộ com-lê, quần áo	*1000 cái*	2678,67	2822	23338	2436	20947	105,34%	115,82%	111,42%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	*M3*	6744	7216	68742	6433	55537	106,99%	112,17%	123,78%
9	Dăm gỗ	*Tấn*	52257	47709	444832	40647	310181	91,30%	117,37%	143,41%
10	Ván ép	*M3*	15051	18000	212985	18748	215131	119,59%	96,01%	99,00%
11	Dầu nhựa thông	*Tấn*	182	150	1299	129	1311	82,42%	116,28%	99,08%

12	Phân hoá học (NPK)	*Tấn*	2548	3500	34622	6232	50905	137,36%	56,16%	68,01%
13	Lốp xe các loại	*1000 cái*	293	295	2881	351	2840	100,81%	84,05%	101,45%
14	Săm dựng cho xe máy xe đạp	*1000 cái*	367	370	5224	741	4745	100,70%	49,93%	110,10%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung Q/C(220x117x60mm)	1000 viên	12705	12730	122571	12870	134964	100,20%	98,92%	90,82%
16	Gạch và gạch khối bằng ximăng, bêtông..	1000 viên	3313	3374	37306	2313	50541	101,82%	145,83%	73,81%
17	Tấm lợp pro xi măng	*1000 m2*	330	330	2482	587	4089	100,00%	56,23%	60,71%
18	Điện sản xuất	*Triệu KWh*	197	215	1927	66	800	109,25%	327,84%	241,03%
19	Điện thương phẩm	*Triệu KWh*	75	75	650	64	556	100,00%	117,81%	116,99%
20	Nước máy	*1000 m3*	1307	1311	12522	1311	12160	100,31%	100,01%	102,98%
II	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ**	**Tỷ đồng**	**2253,67**	**2170,43**	**22113,87**	**1840,22**	**19362,18**	**96,31%**	**117,97%**	**114,85%**
1	**Doanh thu bán lẻ hàng hóa**	**Tỷ đồng**	**1790,82**	**1721,12**	**17819,13**	**1508,44**	**15821,22**	**96,11%**	**114,10%**	**112,63%**
2	**Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ**		**462,85**	**449,31**	**4294,74**	**331,77**	**3540,96**	**97,08%**	**135,74%**	**124,47%**
2,1	**Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)**	**Tỷ đồng**	**321,99**	**309,01**	**3009,56**	**228,12**	**2397,86**	**95,97%**	**135,46%**	**125,51%**
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		321,79	309,01	3006,94	228,12	2396,35	96,03%	135,46%	125,48%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0,20	0,00	2,620	0,00	1,52	-	-	172,70%
2,2	**Doanh thu hoạt động dịch vụ khác**	"	**140,86**	**140,3**	**1285,18**	**103,65**	**1143,09**	**99,60%**	**135,36%**	**112,43%**